

**GIẤY CHỨNG NHẬN PHÊ CHUẨN SỬ DỤNG THIẾT BỊ HUẤN LUYỆN
GIẢ ĐỊNH**

SYNTHETIC TRAINING DEVICE CERTIFICATE

Số phê chuẩn/ Approval No.: VN-035

Cục Hàng không Việt Nam chứng nhận thiết bị huấn luyện giả định sau đây / *The Civil Aviation Authority of Viet Nam hereby certifies that the following synthetic training device is approved for use in the training and checking of flight crew:*

AOC/ATO Holder: BAA TRAINING VIET NAM

Số hiệu thiết bị huấn luyện giả định/
Synthetic Training Device Identification:

VN-035

Kiểu loại thiết bị huấn luyện giả định/
Type of Synthetic Training Device:

Airbus A320-200 FFS

Nhà sản xuất và mã số xuất xưởng/
Manufacture and Serial Number :

CAE Inc./ S/N: 115852

**Người khai thác Thiết bị huấn luyện giả
định /**

BAA Training Vietnam

User of The Synthetic Training Device:

**Người sử dụng Thiết bị huấn luyện giả
định /**

BAA Training Viet Nam

User of The Synthetic Training Device:

**Địa điểm đặt Thiết bị huấn luyện giả
định/**

99 Le Van Viet street, Tang Nhon Phu
Ward, HCM city, Vietnam

Location of The Synthetic Training Device:

Đáp ứng các yêu cầu khai thác được quy định tại Bộ quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay và được phê chuẩn để huấn luyện nhân viên hàng không theo loại hình huấn luyện được phê chuẩn/ *complied with all operating requirements of the Vietnam Aviation Regulations and is approved to provide aviation personnel training as detailed in the attached training specifications*

Trừ khi bị đình chỉ, thu hồi hoặc cấp lại trước thời hạn, Giấy chứng nhận này sẽ có hiệu lực đến hết ngày /*This Certificate unless suspended, revoked or varied shall continue in effect until*

30/09/2027

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG

FOR DIRECTOR GENERAL

DIRECTOR GENERAL



Hồ Minh Tấn

Ngày cấp lần đầu /*Date of first issue:* 03/11/2018

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM

CHI TIẾT KỸ THUẬT VÀ PHẠM VI HUẤN LUYỆN
TECHNICAL SPECIFICATIONS AND TRAINING SCOPE



a) Kiểu loại tàu bay mô phỏng/Type or Variant of aircraft	A320-200
b) Mức của thiết bị huấn luyện giả định/ Synthetic Training Device Qualification Level	AEROPLANES FFS LEVEL D
c) Tiêu chuẩn tham chiếu/Primary reference document	CS-FSTD(A) Issue 2
d) Hệ thống quan sát bằng mắt/Visual system	CAE Inc., CAE Tropos 6023XR, 3 LED Barco projectors, FOV 200deg x 43deg, IG 10.1 XR3, Collimated display.
e) Hệ thống trục động/Motion System	6DOF CAE 62" Electro-Mechanical Motion (EMM), model eM6-1400-1400 TT
f) Kiểu, Loại động cơ/ Type, variant of Engine	CFM56-5B4/ IAE V2527-A5
g) Hệ thống hiển thị thông số bay/ Flight instrument system	According to aircraft type Airbus standard 2.0.0
h) Cảnh báo gió đứt/ Windshear	Profiles available
i) Hệ thống cảnh báo chống va chạm trên không/TCAS	TCAS II (ver. 7.1)

j) Loại hình huấn luyện, kiểm tra được thực hiện/Guidance information for training, testing and checking considerations		Yes	No
01	Huấn luyện cơ bản/Ab initio training	☒	☐
02	Huấn luyện năng định loại/Type rating training	☒	☐
03	Huấn luyện định kỳ/Recurent/Recency training	☒	☐
04	Kiểm tra kỹ năng khai thác/Proficiency Checking	☒	☐
05	Huấn luyện, kiểm tra kỹ năng bay bằng thiết bị/IFR - training	☒	☐
06	Khai thác trong mọi điều kiện thời tiết/All weather operations	☒	☐
	CAT I: RVR: 550m, DH: 200ft	☒	☐
	CAT II: RVR: 300m, DH: 100ft	☒	☐
	CAT III: RVR: 75m, DH: no	☒	☐
	LVTO: RVR: 75m	☒	☐
07	Mở rộng tầm khai thác bay chuyên hướng/EDTO	☒	☐
08	Khai thác dẫn đường theo tính năng/PBN Giới hạn/Limitation: No	☒	☐
09	Hệ thống cảnh báo va chạm trên không/ACASI/II	☒	☐
10	Hệ thống cảnh báo chống va chạm mặt đất/GPWS/EGPWS	☒	☐
11	Hệ thống radar thời tiết/WX-radar	☒	☐
12	Khai thác thiết bị hỗ trợ tầm nhìn/HUD or HUGS	☐	☒
13	Hệ thống cảnh báo Gió đứt/Winshear warning system/Predictive windshear	☒	☐
14	Huấn luyện phối hợp tổ lái nhiều thành phần/MCC training	☒	☐
15	Tiếp cận không chính xác/Non-Precision Approaches (LOC, VOR, NDB, DME)	☒	☐
16	UPRT	☒	☐
17	Khác/Other: Smoke, Thales FMS, RNP APCH limited to (LNAV, LNAV/VNAV, AR)	☒	☐

k) Các giới hạn/Restrictions, Limitations: Nil

Ngày/Date: 29/09/2026

Ký xác nhận/Signed:

